

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

PHƯƠNG THỨC ĐỊNH DANH BẰNG SỐ VÀ MỘT SỐ TƯ LIỆU SỬ DỤNG TẠI HÀ NỘI

METHOD OF NUMBER ONOMASIOLOGY
AND SOME MATERIALS USED IN HANOI

NGUYỄN THỊ VIỆT THANH
(PGS.TS; Viện Việt Nam học & KHPT, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: The paper provides some materials on the history of appearance and using of number place names in Vietnam with materials in the Hanoi area. With the political purposes to build a colonial city and demolish the historical marks of the city, the French applied this method to identify the administrative units of the division and the system of new streets. In the later stages, utilizing the advantages in terms of non-sense words, simplicity, easy to use, place names in number usually were used by authorities in certain historical conditions, especially in the period during and after the war. The paper is a suggestion for the authority to add this kind of place name to the official rules serving the urban management in the stage of modernization.

Key words: number onomasiology; place names; administrative units; Hanoi.

1. Người Việt Nam hiện nay quá quen với “tên gọi bằng số” của các đường quốc lộ, tỉnh lộ như *Quốc lộ 1*, *Quốc lộ 5*, *Quốc lộ 6* hay gọi tắt là “đường” như *Đường 32*, *Đường 9*. Trong không ít đơn vị hành chính cấp xã, phường, việc chia nhỏ thành nhiều cụm dân cư với các tên khu biệt như *Tổ dân phố 1*, *Tổ dân phố 2* (gọi tắt là *Tổ 1*, *Tổ 2*...), hoặc kết hợp với một yếu tố mang nghĩa tạo thành các tổ hợp kiểu xóm *Tân Tiến 1*, *Tân Tiến 2* cũng là hiện tượng hết sức phổ biến. Tuy vậy, khi đề xuất vấn đề đặt tên đường phố bằng phương thức kí hiệu với số thứ tự (bắt đầu từ số 1), thay vì sử dụng các tên danh nhân hay địa danh khá phức tạp và có nhiều bất cập như hiện nay, không ít người băn khoăn liệu tên đường, phố là số thì có được coi là địa danh hay không vì nó không có nghĩa và cũng không mang giá trị lịch sử, văn hóa như các địa danh khác.

Thực tế, sử dụng số làm địa danh là một phương thức đặt tên đã và đang được nhiều

nơi trên thế giới sử dụng. Tại nhiều thành phố của Hoa Kỳ, các phố đều được “đánh” số thay cho một cái tên cụ thể nào đó, bắt đầu từ *street N^o1* đến *N^o 30*, *40*.... Tại Paris (Cộng hòa Pháp), 20 quận của thành phố được gọi tên theo thứ tự từ 1 đến 20, mặc dù mỗi quận đều được đặt một tên riêng nhưng rất ít người biết và cũng hiếm khi sử dụng. Tại nhiều thành phố và địa phương ở châu Âu và châu Á, phương thức này cũng thường thấy để “định danh” cho đơn vị hành chính một cấp nào đó, thường là cấp cơ sở.

2. Đối với các nhà nghiên cứu, định danh bằng số được xếp là một tiểu loại trong nhóm phương thức định danh tự tạo (được hiểu là phương thức sử dụng các yếu tố ngôn ngữ có sẵn, tạo ra một tên gọi theo cách của mình để định danh cho sự vật, hiện tượng), phân biệt với phương thức chuyển hóa và phương thức vay mượn. Cùng với các tiểu loại định danh khác như dựa vào đặc điểm của bản thân đối tượng; dựa vào sự vật, yếu tố có quan hệ đến

đối tượng; ghép các yếu tố có sẵn để tạo nên một đơn vị định danh mới, việc sử dụng số đếm (hoặc chữ cái) để tạo nên một loại địa danh thuần túy mang tính kí hiệu đã làm phong phú thêm các phương thức định danh trong thực tế. Ưu điểm của phương thức “đánh số” là đơn giản vì không mang một nghĩa riêng biệt nào đó, không phải (hoặc không cần) quan tâm đến việc lựa chọn một yếu tố ngôn ngữ có ý nghĩa phù hợp với điều kiện hoặc thời điểm lịch sử, với địa điểm được định danh theo như những cách thường thấy. Bên cạnh đó, trên cơ sở trật tự các số, người sử dụng có thể dễ dàng hơn trong việc xác định vị trí đối tượng khi cần tìm kiếm. Tuy vậy, các ưu điểm trên cũng dẫn tới những hạn chế của loại địa danh này. Đáng sau những chữ số (hoặc chữ cái) không tìm được tính “lí do” của các địa danh vốn được các nhân tố văn hóa, lịch sử hoặc chính trị tác động đến việc lựa chọn tên gọi. Về khả năng sử dụng, địa danh số thường chỉ được dùng cho một số tiểu loại địa danh phi tự nhiên, tiêu biểu là địa danh hành chính, địa danh công trình xây dựng và địa danh cộng đồng dân cư, nhưng không sử dụng cho những đối tượng tự nhiên (rừng, núi, ao, hồ...) và công trình mang tính tâm linh (đền, đình, miếu, chùa...).

3. Ở Việt Nam, định danh bằng số vốn không phải là phương thức phổ biến từ xa xưa. Nhiều người cho rằng đây là cách định danh mang đậm tính “phương Tây”, không thích hợp với Việt Nam, nơi có thói quen “truy nghĩa” hay tìm lí do cho mỗi địa danh. Tuy nhiên, nếu xuất phát từ quan niệm “địa danh là một phạm trù lịch sử, là tấm bia lịch sử - văn hóa bằng ngôn ngữ của một vùng đất” thì nhiều cứ liệu cho thấy do đặc thù riêng, địa danh bằng số từng là sản phẩm của những điều kiện lịch sử đặc biệt, quá trình xuất hiện, sử dụng và phổ biến loại địa danh này gắn bó chặt chẽ với điều kiện của những

giai đoạn lịch sử nhất định ở Việt Nam, thậm chí nhằm phục vụ những mục đích chính trị của từng chính quyền.

Trong suốt thời kì phong kiến, địa danh, đặc biệt là địa danh hành chính luôn là sản phẩm ghi lại cách thức tư duy của chính quyền (thường là triều đình) khi lựa chọn tên gọi cho một khu vực hoặc một đơn vị hành chính nào đó. Vấn đề này được thấy hết sức rõ nét trong thời Nguyễn - thời kì còn lưu giữ rất nhiều tư liệu ghi chép địa danh của hầu hết các địa phương trong cả nước, trong đó có trung tâm lớn như Thăng Long-Hà Nội, Sài Gòn - Gia Định... Cũng với mục đích đặt tên để phân biệt đơn vị hành chính này với đơn vị hành chính khác, song phương thức phổ biến nhất vẫn là mô tả những đặc điểm mang tính đặc trưng, từ đặc điểm về phương vị, nghề nghiệp, địa lí đến những địa điểm hoặc di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu của khu vực. Những địa danh như *tổng Thượng, tổng Trung, thôn Thượng Đình, Hạ Đình...* (đặc điểm phương vị), *thôn Hàng Chài, Hàng Hoa, Giáo Phường, Tầm Xá* (đặc điểm nghề nghiệp), đến *phường Xã Đàn, Đồi Mã, Báo Thiên* (di tích đặc trưng)... xuất hiện đều được giải thích gắn với những lí do ngoài ngôn ngữ. Đối với các trường hợp này, địa danh thực sự là các “tấm bia” mang nặng giá trị lịch sử, văn hóa của một khu vực được đặt tên. Cùng với phương thức trên, thông qua địa danh, thể hiện mong muốn, ước vọng điều tốt đẹp là tập quán thường thấy của Việt Nam cũng như một số quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia sử dụng chữ Hán. Với việc lựa chọn các “mỹ tự” như *Phúc Lâm, Nghĩa Dũng, Thuận Mỹ, Đồng Lạc, Đồng Xuân, Mỹ Lộc...* chắc chắn nhà cầm quyền đương thời mong muốn gửi gắm kì vọng đối với sự phát triển một khu vực, một cộng đồng dân cư hoặc cho cả xã hội. Tập quán này trở thành một “văn hóa định danh”, tiếp tục được duy trì với hàng loạt tên gọi nhiều đơn vị hành chính miền

Bắc sau năm 1954 như *xã/thôn Quyết Tâm, Đồng Tâm, Tiên Tiến, Độc Lập, Dân Chủ...*

Có thể nói những dấu vết sớm của phương thức định danh bằng số đã thấy trong tư liệu địa danh một số vùng thời phong kiến. Theo *Bắc Thành địa dư chí lục* (1818 - 1821)¹, tại tổng Hoàng Mai (huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín cũ), ở khu vực ngay sát huyện Vĩnh Thuận (phủ Hoài Đức xưa) có 8 làng cùng mang tên Giáp, phân biệt về vị trí với nhau bằng các số đi kèm, tạo thành tên: Giáp Nhất, Giáp Nhị, Giáp Tam....Giáp Bát. Tuy vậy, hiện tượng này có thể nói là khá hiếm hoi.

Theo tư liệu chúng tôi có được, việc thuần túy sử dụng số không đi kèm bất cứ một yếu tố mang nghĩa nào để định danh chỉ bắt đầu từ giai đoạn Pháp thuộc. Các tư liệu về tổ chức hành chính một số tỉnh, thành phố giai đoạn Pháp thuộc cho phép thấy rõ hiện tượng này. Một trong số những khu vực còn lưu lại nhiều tư liệu là thành phố Hà Nội.

Muộn hơn thành phố Chợ Lớn (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh), nơi phương thức định danh bằng số được chính quyền thuộc địa quy định áp dụng từ năm 1865, tại Hà Nội, phương thức này bắt đầu được sử dụng một cách hệ thống từ năm 1888, sau khi vua Đồng Khánh ban Đạo dụ công nhận Hà Nội là “nhượng địa” của thực dân Pháp và được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 3/10/1888, biến Hà Nội trở thành thủ phủ của Pháp tại Đông Dương. Từ thời gian này, cùng với những bước chuyển mới trên nhiều phương diện như hoạch định đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết lập bộ máy hành chính theo mô hình đô thị hiện đại của phương Tây, các cấp hành chính phổ biến của Thăng Long - Hà Nội trong nhiều thế kỉ Phủ, rồi đến

Huyện, tiếp đến là Tổng và cuối cùng là Phường (Thôn, Trại) cũng được thay thế bằng một số khái niệm mới của đô thị phương Tây là Hộ, Khu phố và Phố.

Trong Phong nha Kinh lược Bắc kì còn lưu lại thư mục Tư trình ngày 8/4 năm Đồng Khánh 3 (1888) của Tổng đốc Hà Yên gửi Kinh lược Bắc Kì về việc hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận (thuộc phủ Hoài Đức cũ) chia địa giới làm 8 Hộ (dịch từ tiếng Pháp là quartier). Tại Nghị định ngày 14/4/1897 của Công sứ-Đốc lí Thành phố về việc phân định ranh giới giữa các Hộ đồng thời với việc quy định tiêu chuẩn và phương thức lựa chọn các Hộ trưởng², Hà Nội tiếp tục được chia làm 8 Hộ. Các Nghị định ban hành năm 1903, năm 1904, đặc biệt Nghị định số 791 ngày 17/7/1914 của Đốc lí Hà Nội Logerot đã nhắc lại, bổ sung và cụ thể hóa tổ chức hành chính 8 Hộ.³ Theo “*Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kì*” của Ngô Vi Liễn (năm 1927), 8 hộ bao gồm 218 đơn vị là các đường, phố, ngõ. Tên gọi “Hà Thành bát Hộ” chắc chắn xuất phát từ sự phân chia đơn vị hành chính giai đoạn này. Mặc dù tại các tài liệu còn lưu giữ không ghi rõ nguyên tắc về phương thức định danh cấp Hộ, song có thể thấy chính quyền tiếp tục cách thức đã tiến hành ở Chợ Lớn, không đặt tên chữ mà sử dụng số thứ tự để phân biệt đơn vị hành chính, từ Hộ thứ Nhất đến Hộ thứ Tám (Le 1^{er} quartier, 2^e quartier, 8^e quartier). Số thứ tự của các Hộ tùy thuộc vào vị trí địa lí của đơn vị hành chính, từ bắc xuống nam, từ đông sang tây. Trên bản đồ hành chính năm 1904, có thể thấy rõ vị trí cũng như mối quan hệ về vị trí của từng Hộ so với các Hộ khác. Hộ thứ Nhất nằm phía

¹ Nguyễn Thúy Nga, *Địa danh Hà Nội thời Nguyễn - khảo cứu từ nguồn tư liệu Hán Nôm*. Nxb KHXN, H. 2010. Tr.44.

² Đỗ Hương Thảo, Vũ Thị Minh Thăng, *Phố trưởng trong bộ máy hành chính thành phố Hà Nội thời thuộc địa*. Kì yếu hội thảo Quản lí và phát triển Thăng Long - Hà Nội. H.2008. Tr.245

³ Phan Huy Lê Lịch sử Thăng Long - Hà Nội. T.1 Tr.188

bắc Hoàng Thành (khu vực phố Quán Thánh, Phan Đình Phùng, Nguyễn Biểu...ngày nay). Hộ thứ Hai, thứ Ba nằm phía Đông Hoàng Thành, kéo sát tới ven sông Hồng (khu vực các phố cổ). Hộ thứ Tư là khu vực quanh Petit Lac (tên thời Pháp thuộc của hồ Hoàn Kiếm), kéo từ khu vực Cửa Nam tới sát bờ sông Hồng....Hộ thứ Tám nằm phía nam thành phố (từ khoảng các phố Bùi Thị Xuân, Triệu Việt Vương thuộc quận Hai Bà Trưng xuống tới chùa Văn Hồ ngày nay). Phương thức định danh này được duy trì tới năm 1933, trước khi Đốc lí Hà Nội phê chuẩn một Nghị định khác phân chia các đơn vị hành chính Hà Nội thành 39 khu (dịch từ chữ Secteurs tiếng Pháp) với các tên riêng biệt.

Không chỉ đối với các đơn vị hành chính, việc sử dụng số để định danh là một lựa chọn của chính quyền thực dân Pháp trong quá trình mở mang và xây dựng đường phố của Hà Nội. Tại giai đoạn đầu của quá trình khai thác thuộc địa (trước năm 1888), khoảng 40 phố xây dựng đầu tiên mang tên gọi đều bằng tiếng Pháp, sau đó chính quyền dần dần tiến hành thể chế hóa các quy chuẩn đối với đường, phố, trong đó có vấn đề đặt tên cho các đường phố. Theo quy định chung, trừ các phố thuộc khu phố cổ về cơ bản vẫn giữ nguyên tên gọi cũ, chuyển sang tiếng Pháp với ý nghĩa tương đương, các đường phố mới mở sẽ được đánh số theo thứ tự, rồi sau đó mới được đặt tên. Vào thời điểm đầu những năm 1890, Hà Nội có khoảng 50 con đường mới mở, được đánh số từ 1 đến 50. Kí hiệu của các phố là voie N⁰... Phố mang số Voie N⁰1 là một con phố nhỏ nằm trên đất thôn Cung Tiên (tổng Tiền Nghiêm), nay là phố Đỗ Hành. Phố mang số Voie N⁰2 cũng nằm ngay gần đó, nay là phố Vũ Hữu Lợi....Rồi lần lượt hầu hết các đường phố xây dựng sau đều mang tên là số. Trong tiểu sử địa danh của rất nhiều đường phố Hà Nội, tên gọi đầu tiên là “Voie N⁰...”, như “Voie N⁰ 55” (đường

Hùng Vương), “Voie N⁰60” (phố Lê Hồng Phong), “Voie N⁰191” (phố Lê Đại Hành),... Những phố được xây dựng vào cuối những năm thập kỉ 20, đầu thập kỉ 30 (thế kỉ 20) đã mang các tên Voie N⁰230 (phố Trần Cao Vân), Voie N⁰233 (phố Yên Bái), Voie N⁰257 (phố Trần Quý Cáp)... Sau đó, phần lớn các địa danh cấu tạo theo phương thức kí hiệu này dần được thay thế bằng các tên gọi mới mà tuyệt đại đa số là tên các chính trị gia, các tướng lĩnh người Pháp được coi là “có công” trong cuộc chiến tranh Đông Dương hoặc đánh chiếm Hà Nội. Chỉ còn khoảng 30 đường phố duy trì tên gọi bằng số cho tới sau năm 1954, một số trường hợp đặc biệt vẫn còn quen sử dụng đến tận những năm gần đây, như phố 323, phố 325 ...

Với việc sử dụng chữ số để định danh đơn vị hành chính và đường phố, tiếp theo đó là dùng tên người Pháp để đặt tên phố, thay thế hoàn toàn hệ thống địa danh mang đậm tính lịch sử, văn hóa vốn tồn tại từ hàng trăm năm trước của Hà Nội, Sài Gòn - Gia Định và một số thành phố khác, chính quyền thực dân đã thực hiện mưu đồ xóa bỏ toàn bộ dấu tích lịch sử của những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa lớn của đất nước, trong đó có kinh thành Thăng Long với hơn 800 năm tuổi để xây dựng những thành phố hoàn toàn theo kiểu phương Tây, thực hiện chức năng của những đô thị thuộc địa. Ý nghĩa lịch sử, văn hóa, các sự tích hay “lí do” gắn với tên gọi của mỗi khu vực, mỗi đối tượng dần bị lãng quên, thay vào đó là những con số chỉ có giá trị “kí hiệu”. Tuy nhiên, từ phương diện khác cũng có thể nói rằng sau một thời gian sử dụng, các “địa danh số” này cũng thể hiện những ưu điểm nhất định, đặc biệt là khả năng dễ dàng trong việc quản lí, ghi nhớ và tìm kiếm.

Cách mạng Tháng Tám (năm 1945) là một bước ngoặt trong lịch sử dân tộc, có những tác động hết sức quan trọng trong tổ chức hành chính các thành phố lớn. Tại Hà Nội,

ngay từ tháng 7/1945, bốn tháng sau khi Nhật đảo chính Pháp thành công, người giữ chức Đốc lí thành phố Hà Nội, bác sĩ Trần Văn Lai đã có những quyết định quan trọng trong việc xóa bỏ vết tích nô lệ của thời Pháp thuộc. Thứ nhất là dùng tiếng Việt làm ngôn ngữ hành chính tại Hà Nội, thay cho tiếng Pháp vốn giữ vị thế ngôn ngữ hành chính chính thức của Việt Nam trong hơn nửa thế kỉ. Thứ hai là chủ trương đổi tên hầu hết các địa danh của thành phố Hà Nội, chủ yếu là địa danh đường phố và các vườn hoa, từ các tên của người Pháp bằng tiếng Pháp sang tiếng Việt mang tên các anh hùng dân tộc, các danh nhân nổi tiếng của đất nước. Chủ trương này đã được bác sĩ Trần Duy Hưng, chủ tịch đầu tiên của thành phố Hà Nội dưới chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hết sức hưởng ứng và tiếp tục triển khai. Về tổ chức hành chính, giai đoạn này Hà Nội được phân thành 17 khu, mỗi khu được đặt một tên gọi riêng, phản ánh những đặc điểm mang tính tiêu biểu nhất của khu vực: Khu Trúc Bạch, Đông Xuân, Đông Thành, Đông Kinh Nghĩa Thục, Hoàn Kiếm, Quán Sứ, Bảy Mẫu, Chợ Hôm... Phương thức định danh mới này đã trở thành phố Hà Nội về cho người Việt Nam, cho người Hà Nội.

Tuy nhiên, cuối năm 1946, đứng trước nguy cơ thực dân Pháp âm mưu quay lại chiếm thành phố, để thuận lợi cho việc quản lí và bố trí lực lượng, chính quyền cách mạng quyết định chia lại nội thành Hà Nội thành ba Liên khu phố với tên gọi quay trở lại sử dụng phương thức đánh số thứ tự, bao gồm Liên khu phố I, Liên khu phố II, Liên khu phố III, phân định rõ trách nhiệm của từng Liên khu trong điều kiện chiến tranh nổ ra, trong đó Liên khu I giữ trách nhiệm cầm chân và tiêu hao địch, còn Liên khu II và III có trách nhiệm bao vây quân địch. Chủ trương định danh bằng cách thức đơn giản, thuận tiện trong điều kiện thời chiến này tiếp tục được

triển khai vào cuối năm 1946, khi tại Hội nghị quân sự toàn quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định chia cả nước thành 12 chiến khu, được đánh số thứ tự từ I đến XII, trong đó Hà Nội là chiến khu XI.

Từ đầu năm 1947, trong điều kiện chính trị đặc biệt, chính quyền cách mạng phải rút lên An toàn khu tiếp tục chỉ đạo cuộc kháng chiến, nhưng việc thành lập mới hoặc tái cấu trúc các đơn vị hành chính vẫn tiếp tục được thực hiện. Cùng với một số địa danh mới được cấu tạo trên cơ sở phương thức mô tả - một phương thức rất điển hình ở Việt Nam từ xa xưa, các địa danh kí hiệu bằng số thứ tự cũng xuất hiện ngày càng phổ biến. Tháng 9/1947, 3 quận ngoại thành Hà Nội được thành lập với tên gọi được viết thành quận IV, quận V và VI. Tháng 8/1948, ngoại thành Hà Nội lại được chia thành 2 huyện mang tên Trần Tây và Trần Nam, hai tháng sau đổi tên thành quận IV và VI, sau đó được chia lại thành 3 quận: quận IV, quận V và quận VI. Đối với khu vực nội thành, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Hà Nội chia nội thành Hà Nội làm 2 quận trên cơ sở 3 Liên khu trước đây, lấy tên là quận I, quận II. Như vậy, tới giữa năm 1949, tổ chức hành chính của Hà Nội gồm 5 quận được đặt tên theo số thứ tự và viết trên văn bản bằng chữ số La Mã. Phương thức định danh bằng số này giống như thời kì Pháp thuộc. Tuy vậy, hiện tượng đánh số không liên tục (thiếu quận III) chắc hẳn có một lí do nào đó nhưng chưa thấy tư liệu nào giải thích cụ thể.

Trong giai đoạn này, thực tế Hà Nội bị Pháp tạm chiếm, toàn bộ hệ thống hành chính khu vực nội thành đều do chính quyền thực dân quản lí. Từ năm 1948 đến năm 1950, Thị trưởng thành phố Hà Nội liên tục ra các Quyết định về tổ chức hành chính khu vực nội thành Hà Nội, chia thành 17 khu phố (năm 1948), thành 25 khu phố (năm 1949),

rồi thành 36 khu phố (năm 1950). Diên cách của từng khu phố thay đổi qua các Quyết định, song điểm chung là tất cả các khu phố đều không mang tên riêng mà được kí hiệu và khu biệt bằng số, dưới dạng văn tự, lúc thì sử dụng chữ số La Mã (khu I, II, III, IV...), lúc thì sử dụng chữ số Latin (1, 2, 3...). Cách đặt tên này hoàn toàn có giá trị đánh dấu để quản lí. Trình tự sắp xếp các đơn vị (thể hiện trên bản đồ) cũng thống nhất. Các số thứ tự tăng dần theo chiều từ bắc xuống nam (theo chiều dọc), bắt đầu từ khu phố 1 (khu vực Nam Tràng - một cách gọi tên khác của Ngũ Xá tràng), tiếp đó là khu phố 2 (khu vực phố Quán Thánh, Phan Đình Phùng). Theo chiều ngang của bản đồ, thứ tự tăng dần theo hình zic-zắc, tới tận ranh giới phía nam của thành phố (đường Đại Cồ Việt hiện nay). Tiếp theo là các khu vực mang tính “vòng ngoài” (Trung Tự, Kim Liên, Giảng Võ, Kim Mã ngày nay) được đánh số theo chiều kim đồng hồ bao quanh trung tâm, kết thúc ở Cơ Xá (khu vực Lương Yên ngày nay). Cách đặt tên và bố trí trật tự các khu phố như vậy giúp người dân dễ dàng hơn trong việc xác định vị trí của từng đơn vị hành chính.

Sau năm 1954, trong thời gian đầu giải phóng với nhiều công việc khẩn cấp ngốn ngang, ưu điểm của phương thức định danh bằng số tiếp tục được phát huy. Khu vực nội thành được tổ chức thành 4 quận, từ quận I đến quận IV. Các quận ngoại thành, trước đây từng mang các địa danh Quảng Bá, Cầu Giấy, Ngã Tư Sở, Quỳnh Lôi, Gia Lâm cũng được thay thế bằng cách định danh mới theo trật tự nối tiếp: quận V, quận VI, quận VII, quận VIII, quận IX. Trong nội bộ từng quận nội thành, cấp khối phố (đơn vị hành chính cơ sở), cũng không được đặt tên mà mang số: Quận I có 9 khối phố (số thứ tự từ 17 đến 25); Quận II có 9 khối phố (số thứ tự từ 9 đến 16 và số 34); Quận III có 8 khối phố (số thứ

tự từ 1 đến 8); Quận IV có 8 khối phố (số thứ tự từ 26 đến 33).

Tuy vậy, cơ sở để chọn số 1 hay 2 hay 3...cho khu vực này hay khác cũng là điều thú vị cần tìm hiểu thêm. Bởi so với địa giới ngày nay, quận I cơ bản trùng với khu vực quận Hai Bà Trưng, quận II trùng với quận Hoàn Kiếm, quận III gần trùng với quận Ba Đình, còn quận IV gần trùng với quận Đống Đa ngày nay. Việc quy định số cho đơn vị cấp khối phố được thực hiện cho toàn khu vực nội thành, nhưng các khối phố được đánh số đầu tiên lại nằm ở Quận III (khu vực quanh Hoàng Thành), lượt số tiếp theo nằm ở quận II (chủ yếu khu phố cổ và khu vực phố Tây trước đây), sau đó mới tới quận I và cuối cùng là các khối phố thuộc quận IV.

Việc chia tách 4 quận nội thành thành 12 khu phố và đặt tên riêng vào năm 1958 đánh dấu một bước chuyển biến trong cấu tạo địa danh cho các đơn vị hành chính cấp trung gian, chuyển từ phương thức đánh số sang phương thức đặt tên riêng với các tên gọi: Hai Bà Trưng, Hàng Cỏ, Hoàn Kiếm, Cửa Đông, Hàng Bông, Hàng Đào, Ba Đình, Trúc Bạch, Văn Miếu, Bạch Mai, Bảy Mẫu, Ô Chợ Dừa. Quyết định này được thực hiện trong điều kiện miền Bắc, trong đó có Hà Nội, cơ bản đã bước vào giai đoạn hòa bình, xây dựng ổn định. Vì vậy việc lựa chọn các tên gọi có ý nghĩa văn hóa - lịch sử đặt cho các đơn vị hành chính trở nên cần thiết gắn với các hoạt động mang giá trị chính trị xã hội khác.

Tiếp theo, trật tự đặt tên cho các khối phố cũng được điều chỉnh. Mặc dù vẫn sử dụng phương thức đánh số, song nội bộ mỗi khu phố được đánh số riêng, bắt đầu từ khối phố 1. Khu Ba Đình được chia thành 41 khối (từ khối 1 đến khối 41), khu Hai Bà Trưng chia thành 42 khối (từ khối 1 đến khối 42),...Do vậy, xác định khối phố (số bao nhiêu) phải đi kèm với xác định khu phố (thuộc khu phố

nào), tức là giá trị định danh chỉ hạn chế trong phạm vi từng khu phố mà thôi. Phương thức này được sử dụng tới năm 1961, khi chính quyền thực hiện cơ cấu lại các đơn vị cấp khu phố (sau gọi là tiểu khu) và đặt tên riêng cho từng đơn vị này.

4. Thực tế, phương thức sử dụng số làm địa danh không chỉ thấy ở Hà Nội mà còn thấy ở một số khu vực đô thị khác, tiêu biểu là Sài Gòn - Chợ Lớn từ khi được thành lập (1861 -1865) cho đến hiện nay. Tuy rằng mỗi thành phố với những điều kiện lịch sử riêng, đã sử dụng phương thức này ở những mức độ không giống nhau, song hi vọng các thông tin về điều kiện xuất hiện và sử dụng “địa danh số” ở riêng Hà Nội trong gần một thế kỉ với những biến động to lớn về lịch sử sẽ góp thêm tư liệu về một trong những phương thức định danh tương đối đặc biệt này ở Việt Nam. Bên cạnh đó, qua thực tế sử dụng loại địa danh này với những ưu điểm nhất định của nó, các nhà quản lí có thể nghiên cứu, bổ sung loại địa danh này vào các quy định mang tính quy phạm của nhà nước về chuẩn hóa địa danh phục vụ công tác quản lí đô thị và thành lập bản đồ, phần nào giúp khắc phục những khó khăn và bất cập hiện nay đối với việc lựa chọn địa danh khi các cả nước đang trong quá trình đô thị hóa mạnh mẽ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Nguyễn Văn Âu (2008), *Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam*. Nxb ĐHQGHN. H.
2. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*. Nxb Giáo dục.H.
3. Đào Thị Diễm (chủ biên) (2010), *Hà Nội qua tài liệu lưu trữ 1873-1954*, 2 tập, Nxb Hà Nội.H.
4. Lê Trung Hoa (2006), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb KHXH.
5. Nguyễn Thừa Hỷ (1993), *Thăng Long - Hà Nội thế kỉ XVII, XVIII, XIX*. Hội Sử học, H.
6. Ngô Vi Liễn (1999), *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*. Nxb Văn hóa Thông tin. H.
7. Phan Huy Lê (chủ biên) (2012), *Lịch sử Thăng Long Hà Nội*, 2 tập Nxb Hà Nội, H.
8. Nguyễn Vinh Phúc (2010), *Địa danh Hà Nội*, Nxb Hà Nội.
9. Superanskaja.A.V (1985), *Địa danh là gì. Moscow*. (Bản dịch của Đinh Lan Hương. Nguyễn Xuân Hòa hiệu đính).
10. Thi Nham Đình Gia Thuyết (1951), *Tiểu sử các tên phố Hà Nội*. Hội Hữu Văn Đoàn.
11. Lưu Minh Trị (chủ biên) (2009), *Bách khoa thư Hà Nội*, Nxb Văn hóa Thông tin, H.
12. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, *Lịch sử Hà Nội qua tài liệu lưu trữ. T1. Địa giới hành chính Hà Nội từ năm 1873 đến 1954*. Nxb Văn hóa. H.2000.
13. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, *Các phong tài liệu bằng tiếng Pháp và tiếng Việt*.
14. *Tuyển tập công trình nghiên cứu lịch sử Thăng Long - Hà Nội*. Nxb Hà Nội. H. 2010.
15. Nguyễn Văn Uẩn (2010), *Hà Nội nửa đầu thế kỉ XX*, Nxb Hà Nội (2 tập). H.
16. Jan Tent, David Blair (2011), *Motivations for naming: The Development of a toponymic typology for Australian Placenames*, Names, Vol. 59 No.2, June.
17. Gouvernement Général de L'indochine, (1905) *Ville de Hanoi (Tonkin), Historique, Développement financier, Règlementation administrative et Fonctionnement des divers services municipaux de la Ville de Hanoi*, Imprimerie G.TAUPIN &Cie, Hanoi.